TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LIÊU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Trần A Tám

- Bà: Tăng Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ 11 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-ST ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nình Móc S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, Quảng Ninh; tạm trú tại: xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng - Có mặt

- Bị đơn: Anh Nình A C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, Quảng Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nình Móc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn với anh C chị đã có một đòi chồng nhưng do không có con chung nên vợ chồng chị đã ra tòa ly hôn vào năm 2010. Đến năm 2011 Chị kết hôn với anh Nình A C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại nhà riêng của anh C Thôn N, xã H, huyện B. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C có nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, nên anh C thường xuyên uy hiếp và đánh đập chị nhiều lần, chị đã mang theo các con về gia đình ngoại

sinh sống, khi chị về gia đình ngoại anh C cũng đến đón mẹ con chị về nhà nhiều lần nhưng mỗi lần đón về anh lại đánh đập chị, chị lại trốn về ngoại vì sợ những trận đòn của anh. Chị bỏ về gia đình ngoại sống ly thân từ tháng 1/ 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình có biết nhưng không ai can thiệp. Nay chị xét thấy tình cảm dành cho anh C không còn và cuộc sống chung không thể tiếp tục chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Nình A C có 03 con chung là Nình Thị C, sinh ngày 26/9/2011; Nình Thị M, sinh ngày 22/3/2014 và Nình Văn T, sinh ngày 06/10/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi 03 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C còn có 3 người con riêng là Nình Thị L sinh năm 1999, Nình Văn T sinh năm 2001, Nình Thị S sinh năm 2002 các con riêng của anh đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nình A C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn với chị S anh đã có vợ và con riêng đầu năm 2011 vợ anh ốm và mất nên anh tìm hiểu chị S được 2 tháng thì tổ chức kết hôn với chị Nình Móc S vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống tại nhà riêng Thôn N, xã H, huyện B. Cuộc sống chung hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng đến tháng 1 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S có quan hệ ngoại tình, tôi biết qua việc chị S có nhắn tin qua điện thoại cho người đàn ông khác. Sau đó tôi có nói với chị S, thì chị S có thái độ và thách thức tôi, chị S còn bỏ nhà đi chứ tôi không đuổi, chị S bỏ nhà đi 17 lần và mỗi lần tôi đều phải đi tìm về. Mâu thuẫn của hai vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải để quay lại đoàn tụ nhưng chị S vẫn không thay đổi và tự ý bỏ đi. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 1/2021 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng có thể quay lại đoàn tụ vì vậy chị S làm đơn ly hôn tôi, tôi không đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị S có 03 con chung là Nình Thị C, sinh ngày 26/9/2011; Nình Thị M, sinh ngày 22/3/2014 và Nình Văn T, sinh ngày 06/10/2017. Anh có quan điểm là chị S trực tiếp nuôi 03 con chung đến khi trưởng thành anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh có 3 người con chung là Nình Thị L sinh năm 1999, Nình Văn T sinh năm 2001, Nình Thị S sinh năm 2002 các con riêng của anh đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy có đủ cơ sở chấp

nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Nình Móc S, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn anh Anh Nình A C, Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nình Móc S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nình Móc S và anh Nình A C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị đi làm thuê để lo kinh tế trong gia đình thì anh C có nghi ngờ chị S có quan hệ ngoại tình, anh C uy hiếp và đánh đập chị S nhiều lần, chị S sợ không dám đi làm thuê và bỏ về gia đình ngoại sinh sống ly thân từ tháng 1/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của hai vợ chồng hai bên gia đình có biết nhưng không ai can thiệp, chị S thấy tình cảm dành cho anh C không còn và cuộc sống chung không thể tiếp tục vì vậy chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị S trình bày cùng với nội dung xác minh tại thôn bản xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị và anh C thôn không nắm được, chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị S làm thủ tục ly hôn anh C, anh không đồng ý và mong muốn chị đoàn tụ gia đình. Chị không chấp nhận quan điển của anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh C mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn của chị đối với anh C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị và anh Nình A C có 03 con chung là Nình Thị C, sinh ngày 26/9/2011; Nình Thị M, sinh ngày 22/3/2014 và Nình Văn T, sinh ngày 06/10/2017. Khi được ly hôn chị xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh C có 3 người con riêng là Nình Thị L sinh năm 1999, Nình Văn T sinh năm 2001, Nình Thị S sinh năm 2002 các con riêng của anh đã trưởng thành nên không đề cập.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản lấy lời khai các con chị đều xin được ở với chị nên việc giao con chung cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70;

khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Các con riêng của anh C đã trưởng thành nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh C, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nình Móc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Nình Móc S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nình Móc S được ly hôn với anh Nình A C.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Nình Thị C, sinh ngày 26/9/2011; Nình Thị M, sinh ngày 22/3/2014 và Nình Văn T, sinh ngày 06/10/2017 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền cho con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nình Móc S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0014005 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Các đương sự.
-Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
-TAND tỉnh Quảng Ninh.
-VKSND huyện Bình Liêu.
-UBND xã Đ, huyện T.
-Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải